|  |  |
| --- | --- |
| **QUỐC HỘI**  Luật số:             /2014/QH13 | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày       tháng     năm 2014* |

**LUẬT**

**QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC**

**ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;*

*Quốc hội ban hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.*

**CHƯƠNG I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.**    **Phạm vi điều chỉnh**

Luật này quy định việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, bao gồm quy định về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quy định về quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp; quy định về giám sát các hoạt động quản lý, sử dụng vốn.

**Điều 2.**    **Đối tượng áp dụng**

1.  Chủ sở hữu được Nhà nước giao quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

2.  Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập hoặc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ quản lý ngành), Uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định thành lập. Bao gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế; công ty mẹ của tổng công ty nhà nước; công ty mẹ trong mô hình công ty mẹ - công ty con.

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập.

            Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nêu ở điểm a, điểm b Khoản này sau đây gọi chung là doanh nghiệp.

3.  Người đại diện theo uỷ quyền đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

4.  Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư vốn nhà nước và quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

5.  Các doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan.

**Điều 3.**    **Áp dụng luật**

1.  Các hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp và giám sát các hoạt động quản lý, sử dụng vốn nhà nước trên lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ quy định của Luật này.

2.  Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

**Điều 4.**    **Giải thích từ ngữ**

1.  *Vốn nhà nước tại doanh nghiệp* là vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước, các quỹ tập trung của Nhà nướckhi thành lập doanh nghiệp và bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh; các khoản phải nộp ngân sách được tríchđể lại; nguồn Quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp; Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp; vốn nhà nước được tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến; giá trị quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài nguyên Quốc gia được Nhà nước giao và ghi tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp; các tài sản khác theo quy định của pháp luật được Nhà nước giao cho doanh nghiệp.

2.  *Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp* là vốn được hình thành từ các nguồn quy định tại **khoản 1 Điều này**, lợi nhuận chưa phân phối, chênh lệch tỷ giá được phản ánh trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3.  *Vốn của doanh nghiệp* là vốn chủ sở hữu và vốn do doanh nghiệp huy động.

4.  *Vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác*là vốn nhà nước góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên do Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ sở hữu.

5.  *Vốn của doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác* là vốn doanh nghiệpđầu tư tại công ty con, công ty liên kết.

6.  *Doanh nghiệp đặc biệt quan trọng* là doanh nghiệp có quy mô lớn, hoạt động trong một số lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

7.  *Doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh* là các doanh nghiệp do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý.

8.  *Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp* là việc doanh nghiệp sử dụng vốn đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh ra ngoài doanh nghiệp.

9.  Người đại diện theo uỷ quyền

            a) *Người đại diện theo uỷ quyền phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác* là cá nhân được chủ sở hữu uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu tại doanh nghiệp khác.

            b) *Người đại diện theo uỷ quyền phần vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác* là cá nhân được doanh nghiệp uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của doanh nghiệp tại doanh nghiệp khác.

            Người đại diện theo uỷ quyền quy định tại **Khoản 9 Điều này** sau đây được gọi chung là Người đại diện.

**CHƯƠNG II**

**ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP**

**Điều 5.**    **Nguyên tắc đầu tư vốn nhà nước**

1.  Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp để tạo ra ngành, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; đảm bảo phục vụ quốc phòng, an ninh; thực hiện điều tiết nền kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô mang tính chiến lược trong từng giai đoạn.

2.  Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp phải đúng mục tiêu, có hiệu quả, phù hợp với từng dự án đầu tư và phải thực hiện công khai, minh bạch.

3.  Đầu tư vốn nhà nước để góp vốn thành lập doanh nghiệp, hợp tác kinh doanh với các thành phần kinh tế khác phải được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và chấp thuận.

4.  Đầu tư vốn nhà nước phải thực hiện đúng quy định của pháp luật, đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng; tránh dàn trải, lãng phí, thất thoát.

5.  Gia tăng giá trị vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

**Điều 6.**    **Hình thức đầu tư vốn nhà nước**

1.  Đầu tư vốn nhà nước thực hiện các dự án, công trình quan trọng của Nhà nước tại doanh nghiệp.

2.  Đầu tư vốn thành lập mới doanh nghiệp.

3.  Đầu tư bổ sung vốn điều lệ cho các doanh nghiệp để mở rộng quy mô, nâng cao công suất, năng lực kinh doanh; đổi mới công nghệ, giảm ô nhiễm môi trường, phục vụ an ninh, quốc phòng.

4.  Đầu tư vốn nhà nước để tăng tỷ lệ vốn góp hoặc duy trì quyền chi phối của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên.

5.  Mua lại một phần vốn hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

6.  Đầu tư vốn nhà nước thông qua Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

**Điều 7.**    **Phạm vi đầu tư vốn nhà nước**

1.  Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư tại Việt Nam hoặc các dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc danh mục các công trình quan trọng của quốc gia theo quy định của pháp luật.

2.  Đầu tư vốn nhà nước để thành lập mới doanh nghiệp

a) Doanh nghiệp được Nhà nước đầu tư vốn để thành lập mới ở những ngành, lĩnh vực, địa bàn sau đây:

- Ngành, lĩnh vực cung cấp sản phẩm, dịch vụ thiết yếu cho xã hội;

- Ngành, lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và toàn bộ nền kinh tế, đòi hỏi đầu tư lớn;

- Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà các thành phần kinh tế khác không đầu tư.

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định công bố danh mục ngành, lĩnh vực, địa bàn được thành lập doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quy định tại **điểm a khoản này**.

3.  Đầu tư bổ sung vốn điều lệ đối với các doanh nghiệp chưa được Nhà nước đầu tư đủ vốn điều lệ.

4.  Đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước tiếp tục duy trì tỷ lệ vốn, bao gồm:

a) Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho xã hội.

b) Các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế ngành, lãnh thổ và thuộc diện Nhà nước cần nắm giữ cổ phần chi phối theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

5.  Đầu tư vốn để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác khi Nhà nước điều chỉnh cơ cấu kinh tế, phục vụ an ninh quốc phòng và các dịch vụ công.

**Điều 8.**    **Thẩm quyền quyết định đầu tư vốn nhà nước**

1.  Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án, công trình quan trọng quy định tại **khoản 1 Điều 7 Luật này**.

2.  Chính phủ trình Quốc hội phê duyệt chủ trương thực hiện các dự án, công trình quan trọng của quốc gia. Hồ sơ, thủ tục trình Quốc hội phê duyệt thực hiện theo quy định của pháp luật.

3.  Thủ tướng Chính phủ

a) Quyết định việc đầu tư các dự án, công trình quan trọng của Nhà nước sau khi được Quốc hội thông qua và các dự án, công trình quan trọng khác tại doanh nghiệp.

b) Quyết định việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

c) Quyết định thực hiện đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo phân cấp tại **Điều 29 Luật này**.

4.  Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Quyết định việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo phân cấp tại **Điều 30 Luật này**.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

5.  Bộ Tài chính

a) Thực hiện thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo phân cấp tại **Điều 31 Luật này.**

b) Phối hợp với Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

6.  Bộ Kế hoạch đầu tư

a) Thực hiện thẩm quyền đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp theo phân cấp tại **Điều 32 Luật này**.

b) Phối hợp với Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

**CHƯƠNG III**

**QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 9.**    **Vốn điều lệ**

1.   Chính phủ quy định phương pháp xác định mức vốn điều lệ cho các doanh nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp đang hoạt động để đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường theo quy mô, công suất thiết kế. Đối với doanh nghiệp được thành lập để thực hiện thường xuyên, ổn định sản xuất, cung ứng sản phẩm công ích phải được đầu tư đủ vốn điều lệ để thực hiện các nhiệm vụ này.

2.   Nguồn bổ sung vốn điều lệ từ các nguồn hình thành vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại **Khoản 1 Điều 4 Luật này.**

**Điều 10.**  **Huy động vốn**

1.   Doanh nghiệp được quyền huy động vốn dưới hình thức: Phát hành trái phiếu; vay vốn của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài doanh nghiệp, của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

2.   Nguyên tắc huy động vốn

a) Việc huy động vốn phải có phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo khả năng thanh toán nợ. Người phê duyệt phương án huy động vốn phải chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo vốn huy động được sử dụng đúng đối tượng, có hiệu quả và đảm bảo khả năng thanh toán.

b) Việc huy động vốn của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước phải thực hiện thông qua hợp đồng vay vốn với tổ chức kinh tế, cá nhân cho vay theo quy định của pháp luật.

c) Việc huy động vốn của các tổ chức, cá nhân nước ngoài thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý nợ công và quy định khác có liên quan.

d) Việc huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu thực hiện theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản có liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

3.   Thẩm quyền phê duyệt phương án huy động vốn

a) Doanh nghiệp được quyền huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không vượt quá 3 lần, bao gồm cả các khoản bảo lãnh vay vốn đối với doanh nghiệp khác có vốn góp của doanh nghiệp.

b) Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định phương án huy động vốn không vượt quá 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ nhỏ hơn được quy định trong điều lệ của doanh nghiệp. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có thể phân cấp cho Tổng giám đốc, Giám đốc quyết định phương án huy động vốn. Mức phân cấp cụ thể phải ghi trong Điều lệ hoặc Quy chế tài chính của doanh nghiệp.

c) Các doanh nghiệp có tổng nhu cầu huy động vốn vượt quy định tại **điểm a, điểm b khoản này** phải báo cáo Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

4.  Doanh nghiệp được quyền bảo lãnh cho công ty con do doanh nghiệp sở hữu 100% vốn điều lệ vay vốn tại ngân hàng, các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật. Tổng giá trị các khoản bảo lãnh vay vốn đối với một công ty con không vượt quá giá trị vốn thựcgóp của doanh nghiệp tại công ty con.

5.  Bộ qu��n lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệmgiám sát chặt chẽ việc huy động và sử dụng vốn huy độngcủa các doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng vốn huy động không đúng mục đích hoặc huy động vốn vượt mức quy định nhưng chưa được hoặc không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xử lý trách nhiệm đối với Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 11.**  **Đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định**

1.  Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định của doanh nghiệp:

a) Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định có giá trị nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, nhưng không quá mức cao nhất của dự án nhóm B theo quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư, xây dựng. Mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty phải được ghi trong Điều lệ của doanh nghiệp. Các dự án lớn hơn mức phân cấp cho Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty do chủ sở hữu doanh nghiệp xem xét, quyết định.

Hội đồng thành viên quyết định phân cấp cho Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp quyết định các dự án đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên.

            b) Trình tự, thủ tục đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định.

2.  Việc đầu tư, mua sắm phương tiện đi lại phục vụ hoạt động của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3.  Người quyết định việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định chịu trách nhiệm nếu việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định không phù hợp, lạc hậu kỹ thuật, không sử dụng được.

**Điều 12.**  **Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp**

1.  Doanh nghiệp được sử dụng vốn,tài sản của doanh nghiệp để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của Luật này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2.  Việc sử dụng tài sản có liên quan đến đất đai để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đất đai.

3.  Việc đầu tư vốn của doanh nghiệp vào doanh nghiệp khác phải tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của doanh nghiệp, không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4.  Doanh nghiệp không được tham gia góp vốn mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp này là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị em ruột của thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban giám đốc và Kế toán trưởng doanh nghiệp đó.

5.  Các hình thức đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a) Góp vốn, mua cổ phần để thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn; góp vốn hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới;

b) Mua cổ phần hoặc góp vốn tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh đang hoạt động;

c) Mua lại một doanh nghiệp khác để hình thành một pháp nhân mới;

d) Mua công trái, trái phiếu để hưởng lãi;

đ) Các hình thức đầu tư khác ra ngoài doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

6.  Thẩm quyền quyết định dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp:

a) Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp không vượt quá 50% vốn chủ sở hữu; Các dự án đầu tư từ 50% vốn chủ sở hữu trở lên, doanh nghiệp báo cáo chủ sở hữu doanh nghiệp quyết định.

b) Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc góp vốn liên doanh của doanh nghiệp với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; quyết định đầu tư hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp ở nước ngoài; quyết định đầu tư ra ngoài vào doanh nghiệp được thành lập để thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định sản xuất các sản phẩm, dịch vụ công ích; quyết định các dự án đầu tư không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty.

7.  Ngoài các trường hợp không được tham gia góp vốn theo quy định tại **khoản 4 Điều này**, doanh nghiệp còn bị hạn chế các hình thức nhận góp vốn đầu tư như sau:

a) Doanh nghiệp không được nhận vốn góp đầu tư của công ty con;

b) Công ty con do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty hạch toán phụ thuộc không được góp vốn cùng doanh nghiệp để thành lập doanh nghiệp mới, không được góp vốn mua cổ phần khi cổ phần hóa công ty con khác trong cùng tập đoàn, tổng công ty hoặc tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.

8.  Doanh nghiệp sử dụng vốn, tài sản để đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật đầu tư ra nước ngoài có liên quan.

**Điều 13.**  **Chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp**

Việc nhượng bán các khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán. Trong đó:

1. Phương thức chuyển nhượng:

Tùy theo hình thức góp vốn, doanh nghiệp thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của doanh nghiệp có vốn góp và các cam kết tại các hợp đồng liên doanh, liên kết của các bên.

a) Đối với việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn từ 2 thành viên trở lên để trở thành công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng vốn phải phản ánh đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bao gồm cả giá trị quyền sử dụng đất giao theo quy định của pháp luật đất đai.

b) Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch UPCOM thì thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

c) Đối với chuyển nhượng các khoản đầu tư tại công ty cổ phần chưa niêm yết thì doanh nghiệp thực hiện đấu giá trên nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch. Việc bán thỏa thuận chỉ được thực hiện sau khi tổ chức đấu giá công khai nhưng chỉ có một người đăng ký mua và phải đảm bảo giá bán sát với giá trị trường tại thời điểm bán.

2. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định việc chuyển nhượng các khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình theo quy định của pháp luật, giá chuyển nhượng các khoản đầu tư theo nguyên tắc giá thị trường. Trường hợp khi chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhưng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp (sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất khoản đầu tư vốn theo quy định và các lợi ích thu được từ đầu tư vốn), doanh nghiệp phải báo cáo chủ sở hữu doanh nghiệpxem xét, quyết định.

**Điều 14.**  **Quyền, trách nhiệm của doanh nghiệp đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác**

1.  Doanh nghiệp đầu tư vốn vào công ty con do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện các quyền, trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quy định việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản đối với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2.  Doanh nghiệp đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác có các quyền, trách nhiệm sau:

a) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

b) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với Người đại diện, trừ trường hợp Người đại diện đã được hưởng lương từ doanh nghiệp khác;

c) Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác;

d) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp tại doanh nghiệp khác. Yêu cầu Người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm Người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của doanh nghiệp;

đ) Quyết định hoặc trình người có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp khác.

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, xử lý và chấn chỉnh kịp thời.

g) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác;

h) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư;

i) Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

3.  Quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi, tiêu chuẩn, chế độ báo cáo của Người đại diện của doanh nghiệp tại doanh nghiệp khác thực hiện như đối với Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp do Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu.

4.  Lợi nhuận được chia từ vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác, Người đại diệncó trách nhiệm yêu cầu doanh nghiệp khác kịp thời chuyển về doanh nghiệp góp vốn.

5.  Việc tăng hoặc giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác được quy định như sau:

a) Người quyết định phương án đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác đồng thời là người quyết định bổ sung vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; hoặc quyết định giảm phần vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác.

b) Phương thức tăng, giảm vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp.

c) Trường hợp doanh nghiệp khác tăng vốn mà doanh nghiệp không có nhu cầu đầu tư bổ sung vốn thì doanh nghiệp xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua, quyền góp vốn theo quy định của pháp luật.

6.   Số vốn thu hồi tại doanh nghiệp khác hoặc khi doanh nghiệp khác bị giải thể, phá sản được chuyển về doanh nghiệp góp vốn.

**Điều 15.** **Bảo toàn vốn nhà nước tại doanh nghiệp**

1.  Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có trách nhiệm và nghĩa vụ bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại doanh nghiệp. Mọi biến động về tăng, giảm vốn chủ sở hữu, doanh nghiệp phải báo cáo chủ sở hữu doanh nghiệp và cơ quan tài chính cùng cấp để theo dõi, giám sát.

2.  Chính phủ quy định cụ thể các biện pháp bảo toàn vốn chủ sở hữu và quản lý tài chính tại doanh nghiệp.

**Điều 16.** **Báo cáo tài chính và các báo cáo khác**

1.  Cuối kỳ kế toán (quý, năm), doanh nghiệp phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

2.  Báo cáo tài chính của doanh nghiệp phải gửi đến chủ sở hữu của doanh nghiệp, cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan thuế và gửi các cơ quan khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

**CHƯƠNG IV**

**CƠ CẤU LẠI VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP**

**Mục 1**

**MỤC TIÊU, HÌNH THỨC**

**CƠ CẤU LẠI VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 17.**   **Mục tiêu cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp**

1.  Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

2.  Thu hút nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vốn vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

3.  Thu hồi vốn nhà nước đã đầu tư tại doanh nghiệp để tập trung nguồn vốn của Nhà nước tái đầu tư, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**Điều 18.**   **Hình thức cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp**

1.  Cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp không thuộc diện Nhà nước tiếp tục nắm giữ 100% vốn điều lệ thông qua việc chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp.

2.  Chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác hoạt động trong những ngành nghề, lĩnh vực Nhà nước không cần duy trì vốn góp.

3.  Chuyển giao toàn bộ hoặc một phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác do Bộ quản lý ngành làm chủ sở hữu về Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ngược lại.

4.  Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ sở hữu về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và ngược lại.

**Mục 2**

**CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU VÀ SẮP XẾP LẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 19.**  **Hình thức chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp**

1.  Doanh nghiệp được chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau đây:

a) Cổ phần hoá;

b) Bán toàn bộ doanh nghiệp;

            c) Bán một phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp để chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

            d) Giao doanh nghiệp cho tập thể người lao động.

2.  Chính phủ quy định chế độ thực hiện các hình thức chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp không thuộc các ngành, lĩnh vực do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

**Điều 20.** **Hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp**

1.  Doanh nghiệp thực hiện sắp xếp lại theo các hình thức sau đây:

a) Hợp nhất, sáp nhập, chia tách doanh nghiệp;

b) Giải thể, phá sản doanh nghiệp;

2.  Chính phủ quy định chế độ thực hiện các hình thức sắp xếp lại doanh nghiệp.

**Điều 21.**  **Thẩm quyền thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp**

1.  Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (bao gồm cả đề án của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng) theo đề nghị của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.  Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; quyết định phương án chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại các doanh nghiệp theo đề án tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**Mục 3**

**CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC**

**ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 22.**  **Nguyên tắc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác**

1.  Chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác thực hiện theo đúng tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quy định.

2.  Chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác phải tuân thủ theo nguyên tắc thị trường, đảm bảo công khai, minh bạch, phù hợp với quy định pháp luật, hạn chế tối đa tổn thất (nếu có).

3.  Việc chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác có liên quan đến đất đai phải thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Điều 23.** **Hình thức chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác**

1.  Vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thực hiện giao dịch, khớp lệnh hoặc thoả thuận thông qua hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán.

2.  Vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác chưa thực hiện niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thì thực hiện theo các hình thức:

a) Đấu giá công khai;

b) Chào bán cạnh tranh;

c)   Bán thoả thuận.

**Điều 24.**   **Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác**

1.  Thủ tướng Chính phủ Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng sau cổ phần hoá.

2.  Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp khác do Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu sau khi có ý kiến của Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính.

**Mục 4**

**CHUYỂN GIAO VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 25.** **Mục đích chuyển giao vốn nhà nước**

1.  Chuyển giao vốn nhà nước đã đầu tư tại doanh nghiệp theo phương thức không thanh toán giữa các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ nhằm thực hiện tái cơ cấu lại doanh nghiệp trong từng giai đoạn theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2.   Chuyển giao quyền chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp giữa các cơ quan chủ sở hữu vốn nhà nước hoặc tổ chức kinh tế phù hợp với lĩnh vực quản lý ngành kinh doanh chính.

**Điều 26.** **Nguyên tắc chuyển giao vốn nhà nước**

1.  Việc chuyển giao phải đảm bảo nguyên tắc hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành kinh doanh chính của doanh nghiệp, đảm bảo khả năng và nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đối với chủ nợ của doanh nghiệp.

2.  Việc chuyển giao vốn giữa các doanh nghiệp không làm giảm vốn điều lệ của doanh nghiệp chuyển giao vốn.

3.  Không thực hiện thu thuế khi chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp quy định tại **Điều 25 Luật này**.

**Điều 27.**  **Thẩm quyền** **quyết định chuyển giao vốn nhà nước**

1.  Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp đặc biệt quan trọng. Phê duyệt chủ trương chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (bao gồm cả vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác) giữa các Bộ quản lý ngành; Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ quản lý ngành về Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và ngược lại.

2.  Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (bao gồm cả vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác).

3.  Bộ Tài chính quyết định việc chuyển giao vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp (bao gồm cả vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác) giữa các Bộ quản lý ngành; Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh hoặc từ Bộ quản lý ngành về Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh và ngược lại sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

**CHƯƠNG V**

**QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ**

**CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ TẠI DOANH NGHIỆP**

**Mục 1**

**QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NẮM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ**

**Điều 28.**  **Quyền, trách nhiệm của Chính phủ**

            Chính phủ thống nhất quản lý và thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. Chính phủ trực tiếp thực hiện hoặc phân công cho Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh; giao cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Người đại diện thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ sở hữu.

1.  Quy định về thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể doanh nghiệp.

2.  Ban hành Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ của các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3.  Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng thành viên và Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp.

4.  Quy định chế độ quản lý tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, chế độ báo cáo và công khai tài chính của doanh nghiệp; cơ chế giám sát, kiểm tra thực hiện.

5.  Quy định chế độ tuyển dụng, chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp; tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp.

6.  Quy định cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích, thiết yếu của nền kinh tế.

7.  Quy định chế độ giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao; quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn.

8.  Quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; tiêu chí đánh giá Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp.

**Điều 29.** **Quyền, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ**

1.  Đối với doanh nghiệp đặc biệt quan trọng:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản. Phê duyệt Đề án thành lập công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ. Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác;

b) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động;

c) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên;

d) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm.

2.  Phê duyệt Đề án thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

3.  Phê duyệt chủ trương thành lập công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ của doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4.  Phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh (bao gồm cả của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng) theo đề nghị của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5.  Quy định quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại doanh nghiệp.

**Điều 30.**  **Quyền, trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

1.  Bộ quản lý ngành là cấp trên trực tiếp của Hội đồng thành viên tại doanh nghiệp đặc biệt quan trọng, có các quyền, trách nhiệm sau đây:

a) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản. Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thành lập công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ; chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác;

b) Trình Chính phủ ban hành Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

c) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định mức vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ;

d) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên;

đ) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm;

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên chuyên ngành và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên chuyên ngành;

g) Phê duyệt danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm của doanh nghiệp và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát;

h) Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng tại doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

i) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đặc biệt quan trọng; phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng.

k) Quyết định lương của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên chuyên ngành, quỹ lương hằng năm của Hội đồng thành viên.

l) Chấp thuận để Hội đồng thành viên phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

m) Đề nghị Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đặc biệt quan trọng;

n) Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng. Đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên ngành, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp đặc biệt quan trọng.

2.  Quyền, trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh đối với doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án. Phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác;

b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

c) Tổ chức thực hiện sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp sau khi trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể;

d) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành thì phải thỏa thuận với Bộ Tài chính;

đ) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên và trả lương cho chức danh Kiểm soát viên;

e) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hằng năm của doanh nghiệp và thông báo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát;

g) Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết;

h) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

i) Quyết định lương của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên do mình bổ nhiệm; quỹ lương hằng năm của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;

k) Chấp thuận để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;

l) Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp.

**Điều 31.** **Quyền, trách nhiệm của Bộ Tài chính**

1.  Trình Chính phủ quy định chế độ quản lý tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; chế độ quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; chế độ báo cáo và công khai tài chính; cơ chế giám sát, kiểm tra thực hiện.

2.  Trình Chính phủ quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; cơ chế giao nhiệm vụ và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích, thiết yếu của nền kinh tế.

3.  Trình Chính phủ quy định chuyển công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

4.  Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định mức vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng; thỏa thuận về vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành.

5.  Cấp vốn điều lệ cho doanh nghiệp thành lập mới và cấp bổ sung vốn điều lệ cho doanh nghiệp đang hoạt động theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền. Cấp vốn để đầu tư, mua lại một phần hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác.

6.  Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của Kế toán trưởng.

7.  Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Kiểm soát viên tài chính tại doanh nghiệp đặc biệt quan trọng và trả lương đối với chức danh này.

8.  Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội về hiệu quả sản xuất kinh doanh và thực hiện nhiệm vụ công ích được giao; về tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong phạm vi toàn quốc.

Phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định về quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đối với các doanh nghiệp.

9.  Căn cứ quy định và kế hoạch vay nợ nước ngoài đã được phê duyệt, thẩm định và chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp.

10.   Có ý kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng theo phân công của Chính phủ; có ý kiến với Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

**Điều 32.**  **Quyền, trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

1.  Trình Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu (trừ quy định tại **khoản 3 Điều 31**), giải thể công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; quy định Điều lệ mẫu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.  Trình Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao.

3.  Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Kiểm soát viên của doanh nghiệp.

4.  Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; việc tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt quan trọng.

5.  Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng.

6.  Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Chính phủ việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ trong phạm vi toàn quốc. Phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hằng năm và thanh tra theo quy định việc thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm.

7.  Có ý kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng theo phân công của Chính phủ; có ý kiến với Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

**Điều 33.**  **Quyền, trách nhiệm của Bộ Nội vụ**

1.  Trình Chính phủ quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật và tiêu chí đánh giá Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng thành viên và Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp.

2.  Thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên của doanh nghiệp đặc biệt quan trọng.

3.  Có ý kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng theo phân công của Chính phủ; có ý kiến với Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

4.  Phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra việc chấp hành quy định của Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ tại doanh nghiệp đặc biệt quan trọng và các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 34. Quyền, trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1.  Trình Chính phủ quy định chế độ tuyển dụng; chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp; tiền lương, tiền thưởng và các quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp.

2.  Phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hằng năm và thanh tra theo quy định việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

3.  Có ý kiến báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các doanh nghiệp đặc biệt quan trọng theo phân công của Chính phủ; có ý kiến với Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

**Điều 35.** **Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty**

Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty là đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp, có các quyền, trách nhiệm sau đây:

1.  Xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.  Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của doanh nghiệp gửi đến cơ quan chủ sở hữu doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, giám sát.

3.  Đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên; Chủ tịch công ty.

4.  Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc), Kế toán trưởng doanh nghiệp.

5.  Đề nghị cấp có thẩm quyền điểu chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của doanh nghiệp; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp.

6.  Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp đầu tư tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, công ty liên kết, sau khi đề nghị và được Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương.

7.  Cử Người đại diện phần vốn góp của doanh nghiệp đầu tư tại doanh nghiệp khác; giao nhiệm vụ cho Người đại diện thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của Người đại diện theo quy định.

8.  Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc (Giám đốc) quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp và các quy định của pháp luật.

9.  Đề nghị Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chủ trương vay nợ nước ngoài.

10.  Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương.

11.  Quy định các quy chế quản lý nội bộ của doanh nghiệp. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

12.  Quyết định lương đối với các chức danh do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm.

13.  Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của doanh nghiệp.

14.  Quyền, trách nhiệm của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty đối với công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ:

            a) Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

            b) Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ;

            c) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty con;

            d) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên của công ty con;

            đ) Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của công ty con;

            e) Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu của công ty con hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của công ty con;

            g) Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của công ty con.

15.  Thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Đề án tổng thể.

16.  Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của chủ sở hữu; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu doanh nghiệp về việc doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu doanh nghiệp giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

**Điều 36.** **Kiểm soát viên**

1.  Chủ sở hữu doanh nghiệp bổ nhiệm từ một đến ba Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba (3) năm. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu doanh nghiệp về việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của mình.

2.  Quyền hạn, trách nhiệm của Kiểm soát viên

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc (Giám đốc) trong tổ chức thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu trực tiếp trong quản lý điều hành, sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước có liên quan;

c) Kiến nghị chủ sở hữu các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

d) Các nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu doanh nghiệp.

3.  Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của doanh nghiệp tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc) có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

**Mục 2**

**QUYỀN, TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN**

**ĐỐI VỚI VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 37.** **Quyền, trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đối với doanh nghiệp khác**

Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu vốn đối với vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác có các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1.  Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác.

2.  Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với Người đại diện.

3.  Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác.

4.  Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác. Trong đó:

- Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 75% vốn điều lệ: chỉ đạo Người đại diện căn cứ vào quy chế tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện.

-  Đối với doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ trên 50% đến 75% vốn điều lệ: chỉ đạo Người đại diện căn cứ vào quy chế tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đề xuất ý kiến để Đại hội đồng cổ đông hoặc thành viên góp vốn biểu quyết.

5.  Quyết định theo thẩm quyền việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp khác.

6.  Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, xử lý và chấn chỉnh kịp thời.

7.  Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi nhuận được chia từ doanh nghiệp khác.

8.  Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

9.  Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 38.** **Quyền, trách nhiệm của Người đại diện**

1.  Quyền, trách nhiệm của Người đại diện

            a) Người đại diện được uỷ quyền để thực hiện quyền của chủ sở hữu vốn nhà nước có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng các nhiệm vụ được chủ sở hữu vốn giao.

            b) Người đại diện phải xin ý kiến chủ sở hữu bằng văn bản để chủ sở hữu vốn có ý kiến chỉ đạo bằng văn bản trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển; việc tổ chức lại, giải thể, phá sản; ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; đề cử để bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc); phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, chia cổ tức hàng năm.

            Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên doanh nghiệp khác.

c) Người đại diện bị bãi miễn khi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các quyết định, yêu cầu của chủ sở hữu vốn; của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm toán.

2.  Chế độ báo cáo của Người đại diện

a) Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp được cử làm Người đại diện, định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính hoặc đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu vốn, Người đại diện phải tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác báo cáo chủ sở hữu vốn.

b) Người đại diện báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu vốn về việc doanh nghiệp khác hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

3.  Tiền lương, thưởng và quyền lợi của người đại diện

a) Người đại diện chuyên trách trong ban quản lý, điều hành tại doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả.

b) Người đại diện kiêm nhiệm không tham gia chuyên trách trong ban quản lý, điều hành doanh nghiệp khác thì thù lao, tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp trách nhiệm (nếu có) và các quyền lợi khác được hưởng do chủ sở hữu chi trả.

c) Chính phủ quy định Người đại diện được quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần.

4.  Lợi nhuận, cổ tức được chia từ phần vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác, Người đại diện thực hiện theo quy định của Chính phủ.

**CHƯƠNG VI**

**GIÁM SÁT, CÔNG KHAI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC**

**VÀ SỬ DỤNG VỐN CỦA DOANH NGHIỆP**

**Mục 1**

**CHỦ THỂ GIÁM SÁT**

**Điều 39.**  **Giám sát của Quốc hội**

1.  Giám sát việc thực hiện các chiến lược đầu tư phát triển dài hạn vào sản xuất, kinh doanh.

2.  Giám sát việc thực hiện các dự án, công trình quan trọng của Nhà nước do Quốc hội phê chuẩn.

3.  Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

4.  Thực hiện hoạt động giám sát tối cao khác theo Luật hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội.

**Điều 40.**  **Giám sát của chủ sở hữu**

1.  Giám sát quá trình thực hiện đầu tư vốn nhà nước và cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

2.  Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp để sản xuất, kinh doanh.

3.  Giám sát doanh nghiệp thông qua người quản lý, điều hành doanh nghiệp và Người đại diện.

**Điều 41.** **Nội dung giám sát**

1.  Giám sát việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp để thực hiện các dự án quan trọng của Nhà nước quy định tại **khoản 1 Điều 7 Luật này**, bao gồm:

            a) Theo dõi dự án đầu tư; giám sát việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp;

            b) Kiểm tra dự án đầu tư;

            c) Đánh giá dự án đầu tư.

            Chính phủ quy định việc giám sát và đánh giá dự án đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước.

2.  Giám sát việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

            a) Giám sát việc chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại doanh nghiệp;

            b) Giám sát việc chuyển nhượng, chuyển giao vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

            c) Giám sát việc thu hồi vốn nhà nước khi thực hiện cơ cấu lại doanh nghiệp.

3.  Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn của doanh nghiệp

a) Giám sát tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp theo các nội dung sau:

- Tình hình đầu tư tài sản tại doanh nghiệp (bao gồm danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn huy động gắn với dự án đầu tư).

- Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động; tình hình phát hành trái phiếu, cổ phiếu (nếu có).

- Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (bao gồm đầu tư trong nước, đầu tư ra nước ngoài); hiệu quả việc đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp.

- Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của doanh nghiệp, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.

b) Giám sát tình hình bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp.

c) Giám sát tình hình kinh doanh của doanh nghiệp:

- Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản.

- Phân tích tình hình lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

- Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

Chính phủ quy định giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước.

4.  Chính phủ phân cấp cho Bộ quản lý ngành thực hiện giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp đặc biệt quan trọng.

5.  Bộ quản lý ngành thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng đối với doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ phân cấp và doanh nghiệp do Bộ quản lý ngành quyết định thành lập.

6.  Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng đối với doanh nghiệp do Uỷ ban nhân dân quyết định thành lập.

7.  Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào kết quả giám sát thực hiện đánh giá doanh nghiệp trong việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đánh giá đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên chuyên ngành, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng trong việc quản lý, điều hành doanh nghiệp.

8.  Bộ Tài chính phối hợp với Bộ quản lý ngành thực hiện giám sát tài chính đối với doanh nghiệp đặc biệt quan trọng và doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành. Chủ sở hữu doanh nghiệp và cơ quan tài chính chịu trách nhiệm về kết quả giám sát tài chính doanh nghiệp.

**Mục 2**

**BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Điều 42.** **Báo cáo**

1.  Định kỳ 6 tháng và kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp phải lập báo cáo giám sát tài chính gửi các cơ quan có thẩm quyền.

2.  Cơ quan tài chính chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình hoạt động của các doanh nghiệp thông qua báo cáo giám sát tài chính của chủ sở hữu doanh nghiệp.

**Điều 43.** **Công khai thông tin**

1.  Định kỳ 6 tháng và kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện việc công khai tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình quản trị của doanh nghiệp.

2.  Chủ sở hữu doanh nghiệp thực hiện công bố kết quả giám sát tài chính của doanh nghiệp và kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

3.  Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổng hợp và công khai tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; công khai tình hình quản lý, sử dụng vốn, tài sản của doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của cơ quan tài chính.

4.  Chính phủ quy định việc công khai thông tin và công bố kết quả giám sát tài chính quy định tại **Điều này**.

**CHƯƠNG VII**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG**

**VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP**

**Điều 44.**  **Nội dung quản lý nhà nước**

1.  Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2.  Xây dựng quy hoạch và chiến lược phát triển doanh nghiệp theo định hướng, mục tiêu chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lãnh thổ.

3.  Tổ chức đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp; xây dựng và lưu giữ các thông tin cơ bản về doanh nghiệp; theo dõi và giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau đăng ký; bảo đảm cho doanh nghiệp hoạt động theo đúng các điều kiện quy định tại quyết định thành lập và đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4.  Xây dựng quy hoạch và tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao phẩm chất đạo đức kinh doanh cho người quản lý, điều hành doanh nghiệp; phẩm chất chính trị, đạo đức, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp; đào tạo và xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề.

5.  Ban hành danh mục sản phẩm, phương thức quản lý tài chính và chính sách ưu đãi đối với sản phẩm, dịch vụ công ích trong từng thời kỳ.

6.  Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, chính sách, chế độ của Nhà nước tại các doanh nghiệp; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

**Điều 45.**  **Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước**

1.  Trách nhiệm của Chính phủ:

a) Chính phủ thống nhất quản lý Nhà nước về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Hàng năm, Chính phủ báo cáo Quốc hội tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2.  Trách nhiệm của Bộ Tài chính:

a) Xây dựng và trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

b) Hàng năm, tổng hợp báo cáo Chính phủ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính đối với toàn bộ doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

            c) Phối hợp với Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

3.  Trách nhiệm của Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp theo phạm vi phân công, phân cấp của Chính phủ.

b) Hàng năm, tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính đối với toàn bộ doanh nghiệp thuộc Bộ quản lý ngành, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ.

c) Kiểm tra, giám sát thường xuyên định kỳ hoạt động quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

4.  Trách nhiệm của Người đại diện theo ủy quyền:

a) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu vốn trong việc quản lý và sử dụng vốn nhà nước đã đầu tư vào doanh nghiệp, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

b) Chịu trách nhiệm vật chất thuộc trách nhiệm dân sự về những hành vi sai phạm gây tổn thất vốn của Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

**Điều 46.**  **Thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp**

1.  Cơ quan thanh tra thực hiện việc thanh tra hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo đúng chức năng, thẩm quyền và tuân theo các quy định của pháp luật về thanh tra.

2.  Việc thanh tra về cùng một nội dung, vụ việc được thực hiện không quá một lần trong một năm đối với một doanh nghiệp. Việc thanh tra bất thường chỉ được thực hiện khi có căn cứ về sự vi phạm pháp luật của doanh nghiệp.

3.  Khi tiến hành thanh tra phải có quyết định của người có thẩm quyền; khi kết thúc thanh tra phải có biên bản, kết luận thanh tra; Trưởng đoàn thanh tra chịu trách nhiệm về nội dung biên bản và kết luận thanh tra.

4.  Người ra quyết định thanh tra không đúng pháp luật hoặc lợi dụng việc thanh tra để vụ lợi, sách nhiễu, gây phiền hà cho hoạt động của doanh nghiệp thì tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**CHƯƠNG VIII**

**KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

**Điều 47.** **Khen thưởng**

            Tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Nhà nước giao trong việc quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và quản lý tài chính của doanh nghiệp thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

**Điều 48.** **Xử lý vi phạm**

            Tổ chức, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, gây tổn thất vốn, tài sản nhà nước, tuỳ theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, bồi thường vật chất hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong đó:

1.  Không thực hiện đúng quyền, trách nhiệm được chủ sở hữu giao, uỷ quyền hoặc quyết định sai gây thiệt hại cho doanh nghiệp.

2.  Quyết định thành lập doanh nghiệp không đúng thủ tục, trình tự, vượt thẩm quyền, thiếu trách nhiệm trong thẩm định thành lập doanh nghiệp dẫn đến doanh nghiệp hoạt động không hiệu quả.

3.  Không thực hiện đúng chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp.

4.  Can thiệp vào công việc thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp; sách nhiễu, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

5.  Vi phạm các quy định khác của Luật này.

**CHƯƠNG IX**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 49.**   **Hiệu lực thi hành**

            Luật này có hiệu lực kể từ ngày…… tháng…… năm……

Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

**Điều 50.** **Hướng dẫn thi hành**

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các Điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ…… thông qua ngày…… tháng……. Năm 2014.